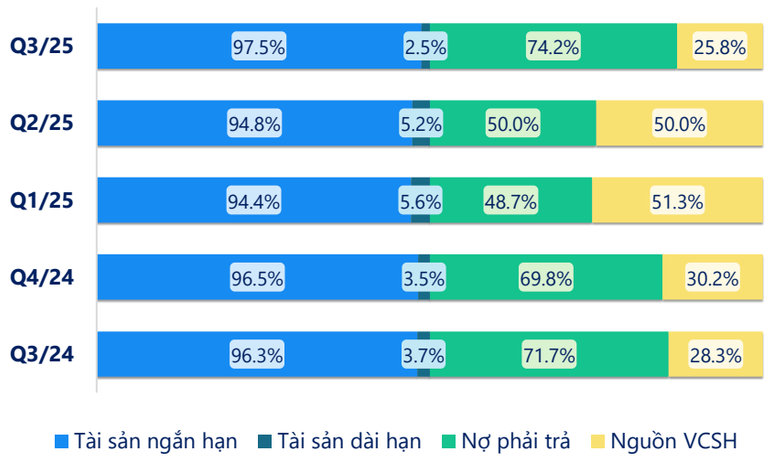
FireAnt

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	5,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,700
SL cổ phiếu LH	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,825
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
P/E	4.1
EPS	1,305

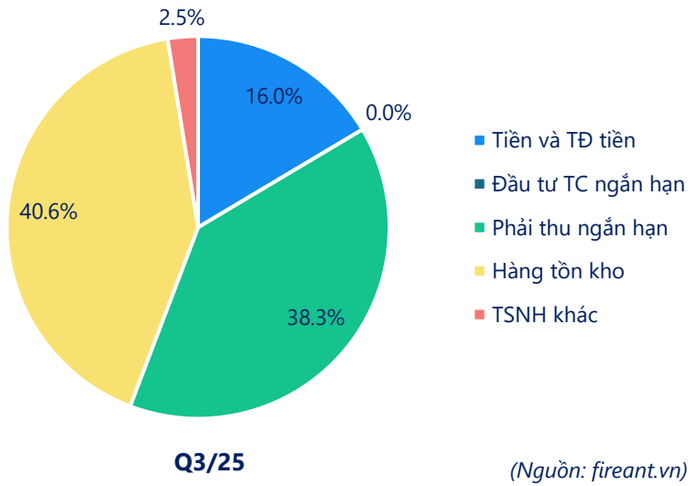
	YTD	1T	3T	6T
ONE	8.0%	0.0%	1.9%	-1.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



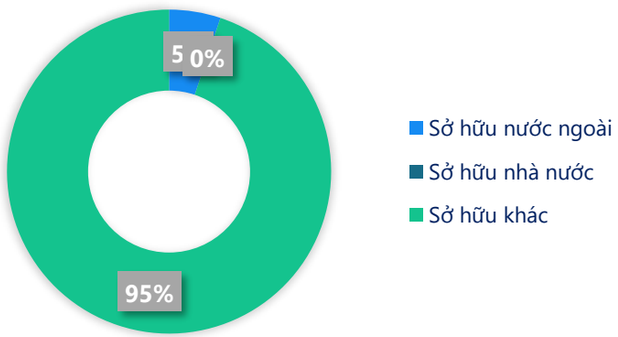
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



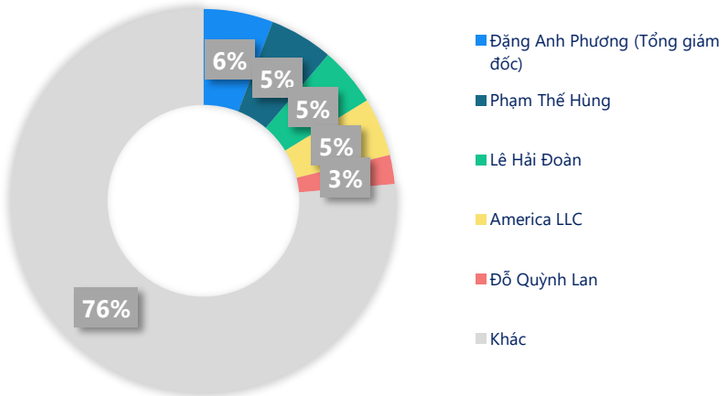
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



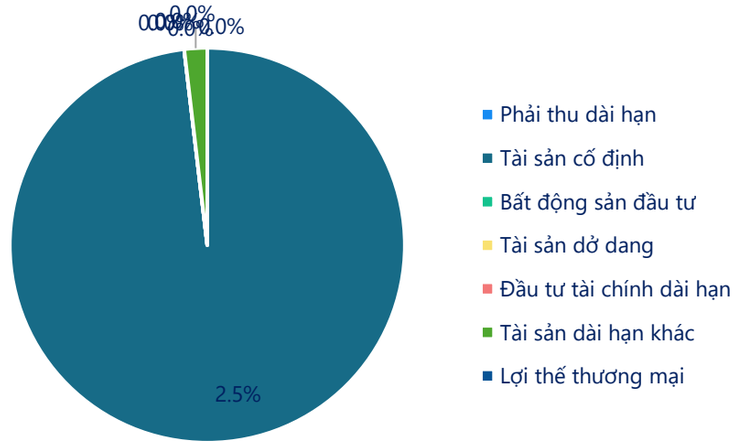
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

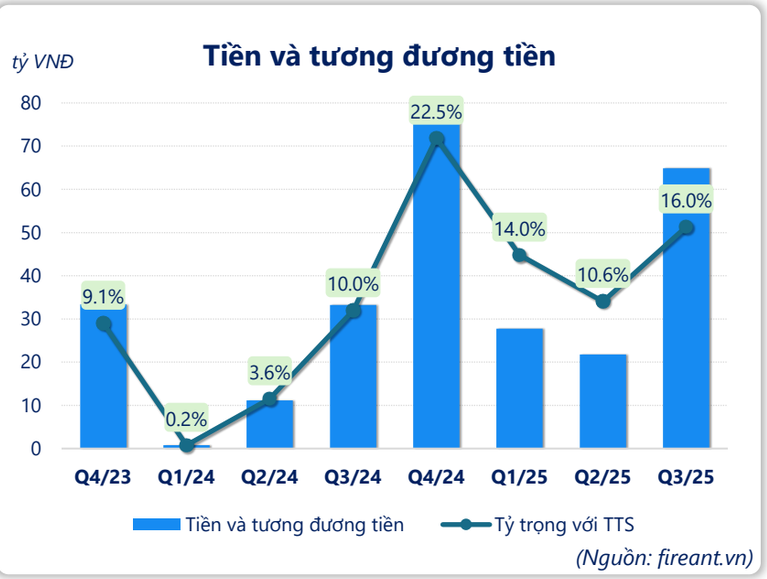
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



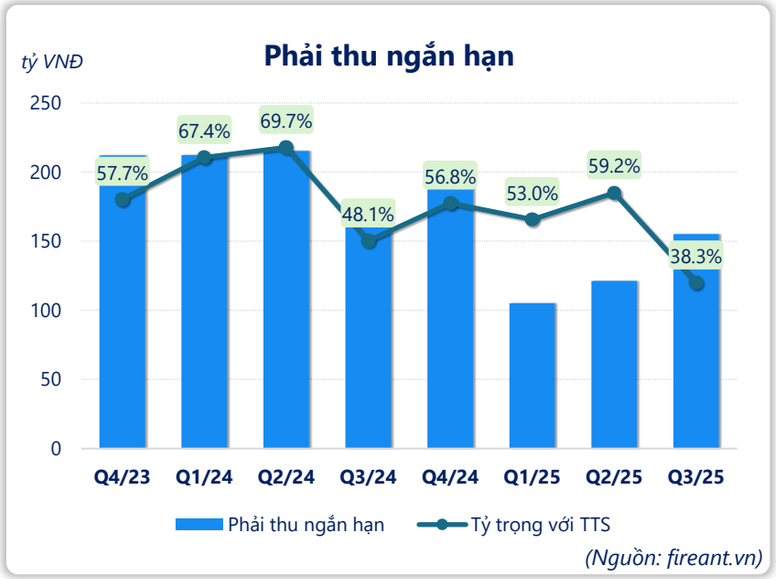
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

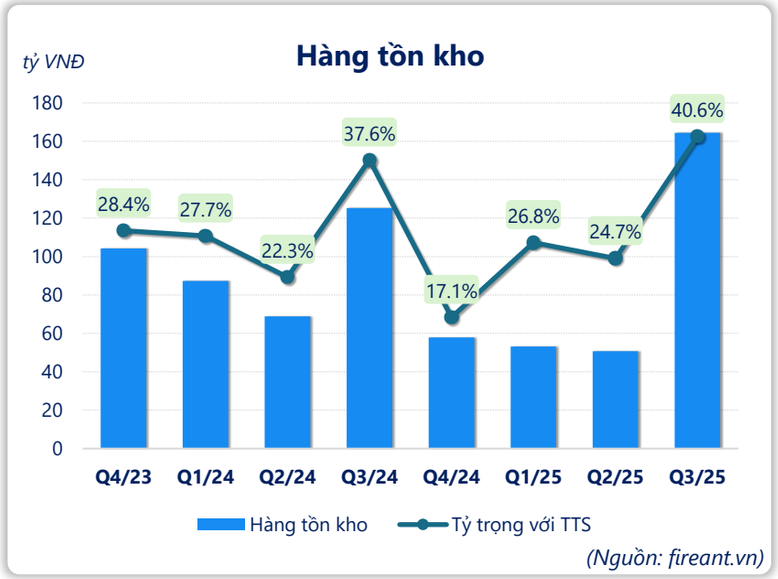
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)



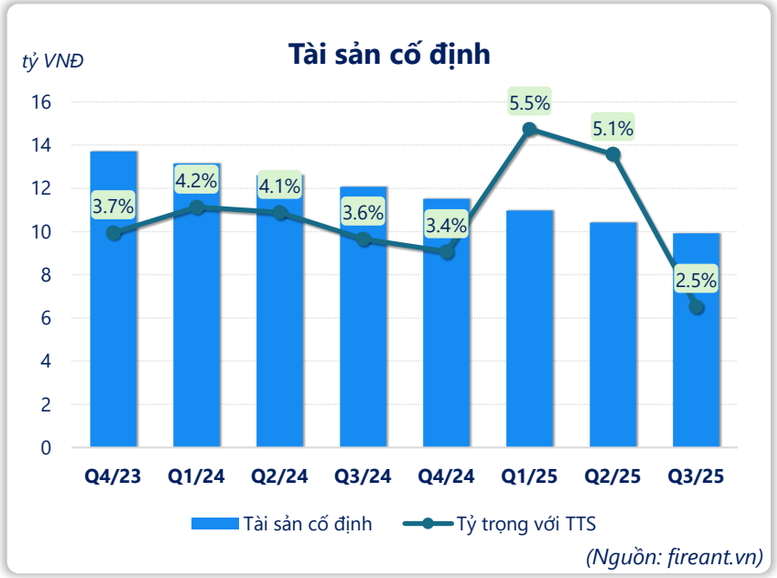
(Nguồn: fireant.vn)



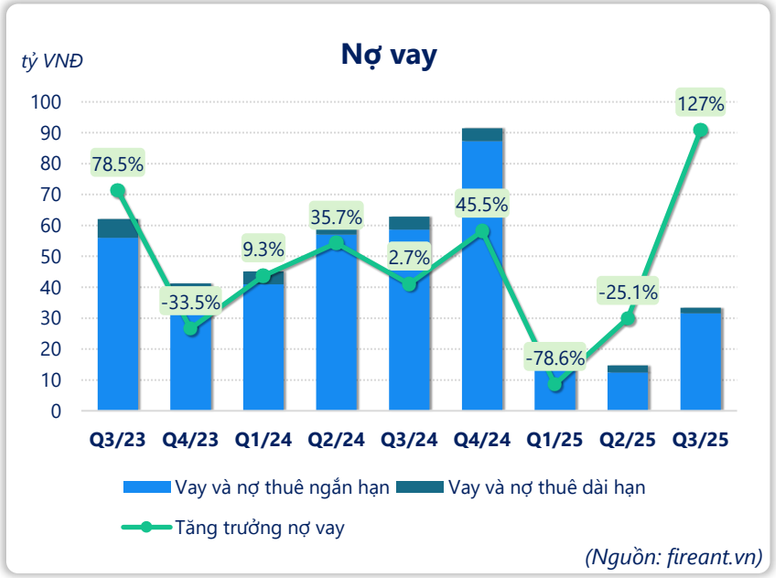
(Nguồn: fireant.vn)



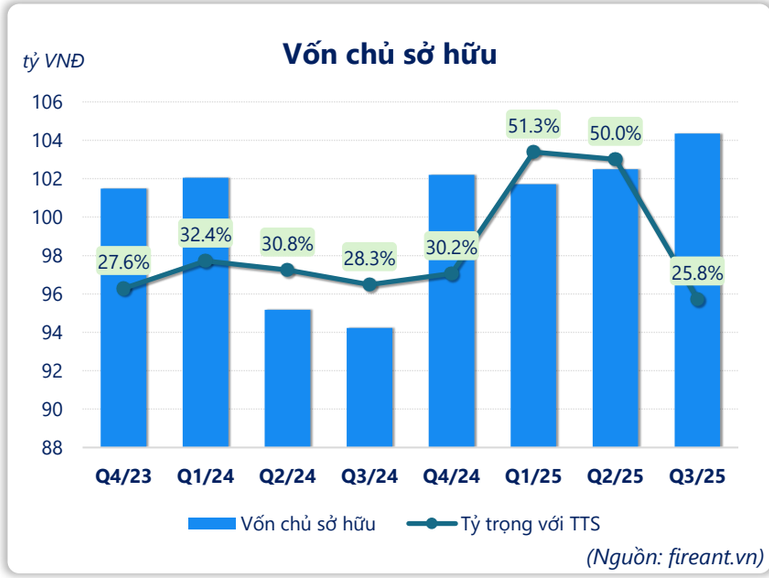
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

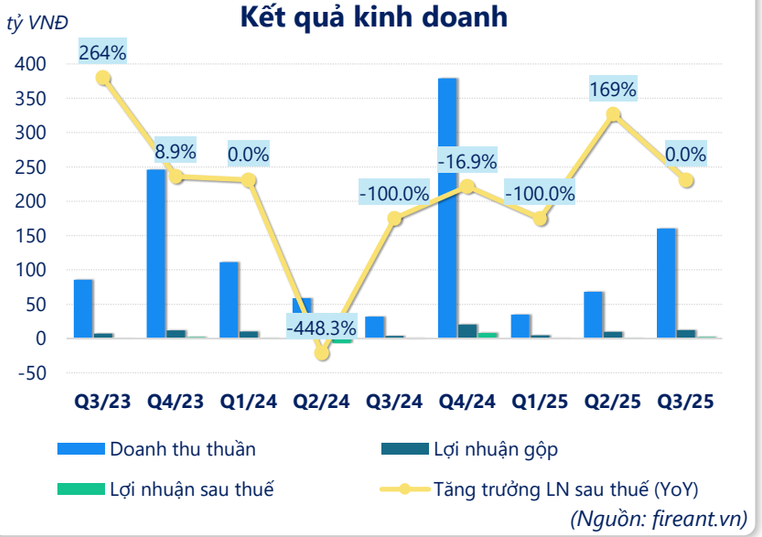


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

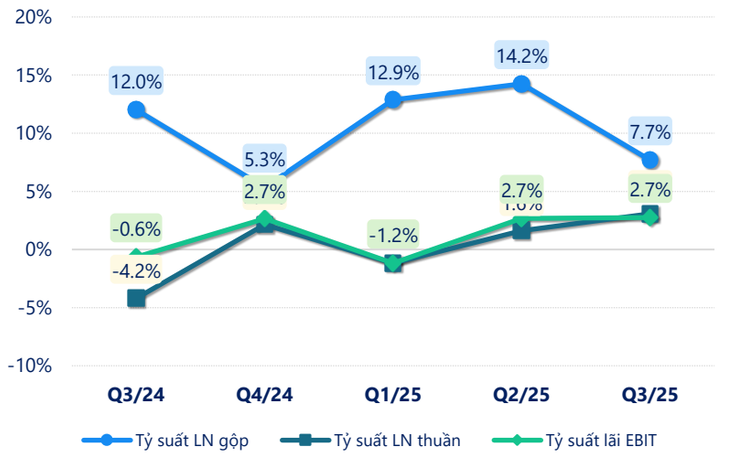
CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

Kết quả kinh doanh



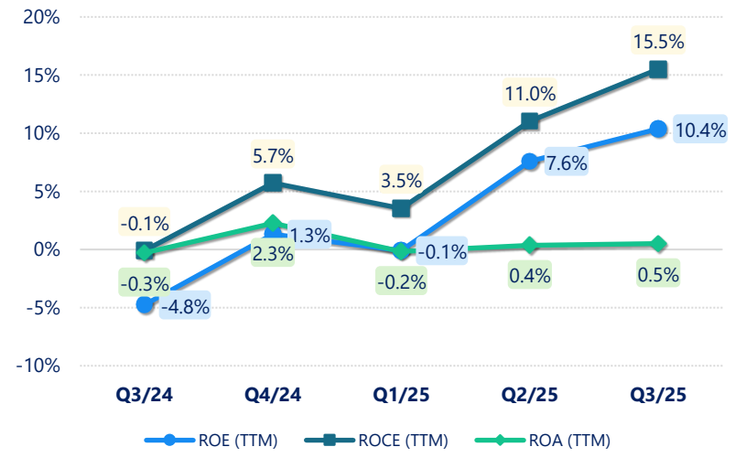
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



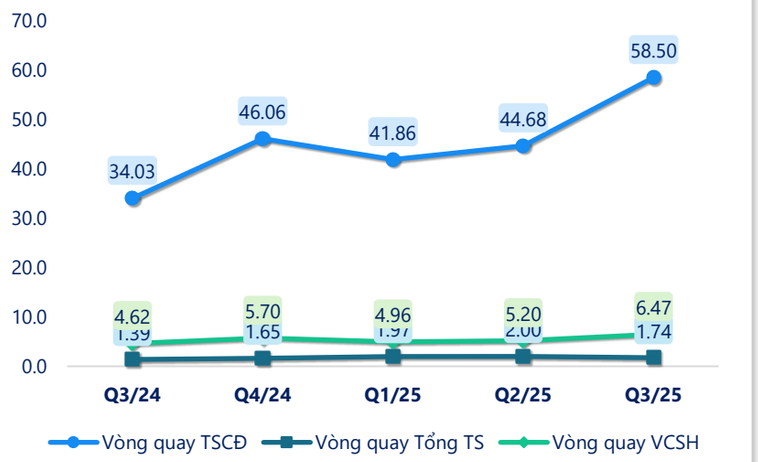
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



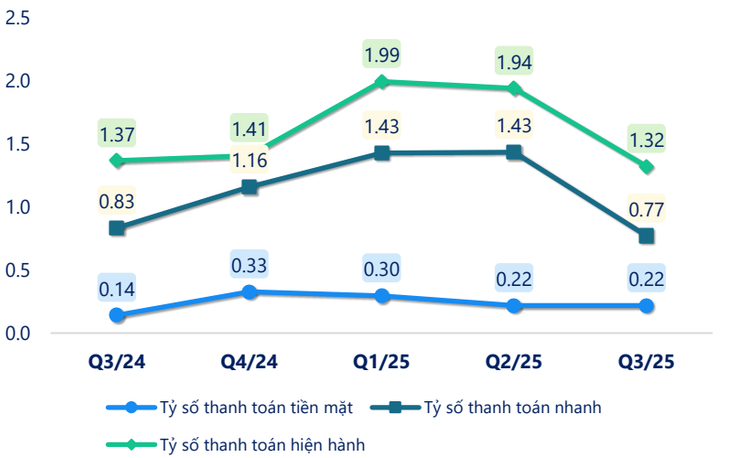
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



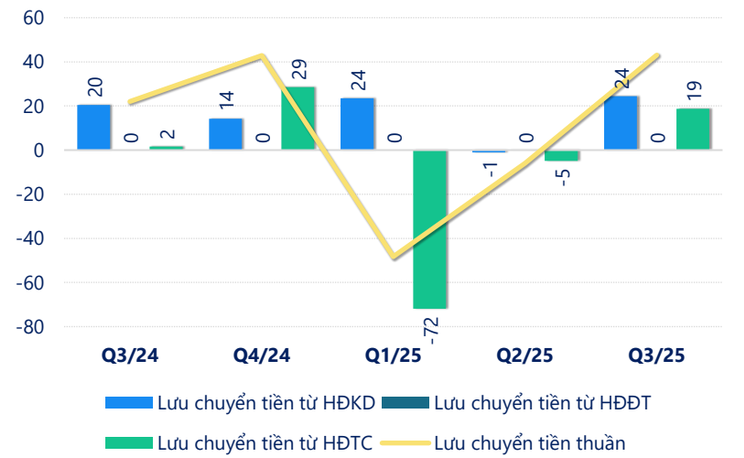
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Công nghệ ONE (HNX: ONE)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**404**	**338**	**19.5%**
Tài sản ngắn hạn	394	327	20.7%
Tiền và tương đương tiền	64.9	76.0	-14.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	155	193	-19.5%
Hàng tồn kho	164	57.6	186%
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	0.49	1968%
Tài sản dài hạn	**10.1**	**11.7**	**-13.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.92	11.5	-13.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.21**	**-11.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	300	236	27.0%
Nợ ngắn hạn	**298**	**233**	**28.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.6	88.2	-64.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	182	123	48.7%
Nợ dài hạn	1.75	3.19	-45.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.75	3.19	-45.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**104**	**102**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**104**	**102**	**2.2%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	32.0	379	35.1	68.3	160
Giá vốn hàng bán	28.1	359	30.6	58.5	148
Lợi nhuận gộp	3.85	20.3	4.52	9.73	12.3
Doanh thu HĐTC	0.83	0.01	0.18	0.01	0.15
Chi phí TC	0.88	3.10	0.23	1.00	0.77
Chi phí lãi vay	0.74	1.62	0.02	0.72	0.77
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.52	0.38	0.45	0.96	0.46
Chi phí QLDN	4.62	8.68	4.43	6.68	6.33
LN thuần từ HĐKD	-1.34	8.11	-0.41	1.11	4.93
Lợi nhuận khác	0.39	0.31	-0.02	-0.01	-1.29
LN trước thuế	-0.95	8.43	-0.43	1.10	3.63
Lợi nhuận sau thuế	-0.95	7.97	-0.43	0.91	1.86
LNST của CĐ cty mẹ	-0.95	7.97	-0.43	0.91	1.86

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.4	14.2	23.6	-1.02	24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.64	28.6	-71.8	-4.93	18.7
Tiền đầu kỳ	11.1	33.2	76.0	27.7	21.8
Lưu chuyển tiền thuần	**22.1**	**42.8**	**-48.3**	**-5.95**	**43.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	33.2	76.0	27.7	21.8	64.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic